

Bản án số: 482/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Sao

Ông Lê Ngọc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 857/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thùy T; địa chỉ: Đường L, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn Bảo T; địa chỉ: Đường H, phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thùy T trình bày: Bà và ông Vũ Văn Bảo T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2009 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống; hai người rất ít khi trao đổi, nói chuyện với nhau. Đến năm 2012 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và hai người đã không còn sinh hoạt vợ chồng mặc dù ở cùng nhà tại số nhà Đường L, Phường X, Quận Y. Đến tháng 4 năm 2017 thì ông T ra ở riêng tại địa chỉ Đường H, phường H, quận Tân Phú. Hiện nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung là Vũ Ngọc Thanh T, sinh ngày xx/xx/2012. Hiện nay, bà đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; ông T có đến thăm nom con khoảng 1 đến 2 lần trong 1 tuần. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Vì bà có thu nhập ổn định, khoảng trên 10 triệu/tháng, đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung. Do đó, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai tại Tòa án và tại Biên bản hòa giải ngày 30/3/2018 thì bị đơn ông Vũ Văn Bảo T trình bày: Ông kết hôn với bà T năm 2009, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Tân Phú năm 2012. Khi chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nói chuyện không hợp nhau nhưng cũng ít khi cãi vã. Ông xác nhận từ năm 2012 thì hai người không có đời sống của vợ chồng. Ông nghĩ rằng vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khi ông phản đối việc bà T xăm hình và ông cũng không làm ra được tiền. Mặc dù cảm thấy bà T đối xử với ông không được tốt nhưng ông vẫn còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Ngọc Thanh T, sinh ngày xx/xx/2012. Hiện nay, cháu Thư đang sống cùng với mẹ và ông vẫn thường xuyên đến thăm con. Trong trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì ông không có ý kiến về con chung.

Về tài sản chung: Ông xác định không có tài sản chung hay nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không đồng ý đoàn tụ, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ngày 21/5/2018, bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Vũ Văn Bảo T; bị đơn là ông T đang cư trú tại quận Tân Phú. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn Số 20/2012, Quyển số 01/2012 đăng ký ngày 14/3/2012 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì có cơ sở xác định mối quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà T: Căn cứ vào lời khai của bà T và ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng bà T và ông T phát sinh mâu thuẫn đã lâu nhưng không thể hàn gắn được. Giữa hai người có sự khác nhau về quan điểm sống dẫn đến việc không thể trao đổi, chia sẻ buồn vui trong cuộc sống và không tìm thấy có tiếng nói chung trong gia đình. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có thái độ, hành động tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, ông bà sống ly thân từ năm 2017, giữa hai người đã không còn đời sống vợ chồng và mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Từ những lý do vừa nêu, xét thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà T và ông T xác định có một con chung tên là Vũ Ngọc Thanh T, sinh ngày xx/xx/2012. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và ông T không có ý kiến với yêu cầu này; bà T có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được là người trực tiếp nuôi con chung của bà T. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản: Bà T, ông T xác định không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do nguyên đơn là bà T chịu.

[8] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b, Khoản 2 Điều 227 và Điều 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thùy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thùy T được ly hôn với ông Vũ Văn Bảo T.

2. Về con chung: Bà T và ông T có một con chung tên là Vũ Ngọc Thanh

T, sinh ngày xx/xx/2012. Giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Bà T, ông T xác định không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà T chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009736 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà T, ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- UBND P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thế Đông